

Số: 402 /QĐ-CDN

Tây Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2025 sau sáp nhập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-LĐTBXH ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 18/08/2025 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Xét đề nghị của trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Tổ chức - Hành chính, phụ trách Kế toán và các bộ phận chuyên môn có liên quan đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Châu Thành Trọng

Đơn vị: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TÂY**
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2025.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số **402** /QĐ-CDN ngày 18/8/2025 của Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 18/08/2025 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025 (kể cả năm trước chuyển sang)	ước thực hiện năm 2025	UTH/Dự toán (tỷ lệ %)	UTH năm này so với Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	3,333.63	3,225.68	3,225.68	100.00	96.76
1.1	Lệ phí tuyển sinh	31.70	31.71	31.71	100.00	100.03
1.2	Học phí chính quy	3,246.93	3,000.00	3,000.00	100	92.39
1.3	Học phí ngắn hạn	0.00	93.97	93.97	100.00	0.00
1.4	Thu từ cho thuê mặt bằng giữ xe, căn tin	55.00	100.00	100.00	100	181.82
1.5	Thu khác					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
3.1	Lệ phí					
3.2	Phí					

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025 (kể cả năm trước chuyển sang)	ước thực hiện năm 2025	UTH /Dự toán (tỷ lệ %)	UTH năm này so với Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15,841	17,825	17,825	100	113
I	Nguồn ngân sách trong nước	15,841	17,825	17,825	100	113
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15,841	17,825	17,825	100	113
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9,306.52	9,400	9,400	100	101
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6,534.64	8,425	8,425	100	129
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					

Ngày 18 tháng 8 năm 2025



Châu Thành Trọng